

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2020/DS-ST**

Ngày 24-11-2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Bảo Ngân;

2/ Bà Trần Thị Nguyệt Quế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2020/QĐST-DS ngày 06/11/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: phường C, quận D, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn S– 1980, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N chi nhánh huyện V (theo văn bản ngày 31/7/2020).

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T; bà Trần Thị B

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Đ

Nơi cư trú: ấp L1, xã T1, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị T2

Nơi cư trú: xã T1, huyện C, thành phố Cần Thơ

Ông Nguyễn Văn H

Bà Nguyễn Thị N

Ông Nguyễn Văn L

Ông Nguyễn Văn M

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị P

Nơi cư trú: ấp T2, xã L, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị L

Nơi cư trú: ấp V, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị N

Nơi cư trú: Khu vực T3, phường T3, quận T, thành phố Cần Thơ.

(Ông S, ông T có mặt, đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2019 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 28/7/2020, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng N (do ông Phan Văn S đại diện) trình bày:

Ngày 27/9/2012 ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị B và Ngân hàng N (viết tắt là Ngân hàng) có ký hợp đồng tín dụng số 09/2012 để vay số tiền 1.450.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng định kỳ 06 tháng trả một lần. Lãi suất 11%/năm, lãi suất có điều chỉnh theo thời điểm, lãi suất nợ quá hạn 150% tương ứng với lãi suất tiền vay tại thời điểm quá hạn.

Mục đích vay là để thả cá tra giống, thức ăn cho cá, thuốc, cải tạo ao và chi phí phát sinh nhằm phục vụ chung cho kinh tế gia đình, ngày nhận tiền là ngày 27/9/2012, hạn trả nợ cuối ngày 25/9/2013. Ông T có ký tên trong hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng, bà B có điểm chỉ trong hợp đồng tín dụng, không điểm chỉ trong phụ lục hợp đồng.

Để đảm bảo cho số nợ vay phía bị đơn có thể chấp các tài sản gồm quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất thửa đất số 380 diện tích 6.909 m² (2L), thửa 374 diện tích 13.634 m² (2L), thửa 173 diện tích 394 m² (300 m² T + 94 m² LNK), tờ bản đồ số 5, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000112 cấp ngày 13/3/2000 do ông Nguyễn Văn T đại diện hộ đứng tên.

Quyền sử dụng đất thửa 140 diện tích 12.900 m² (2L), tờ bản đồ số 04, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000112 cấp ngày 13/3/2000 do ông Nguyễn Văn T đại diện hộ đứng tên.

Quyền sử dụng đất thửa đất số 101 diện tích 5.823 m² (2L), tờ bản đồ số 05, theo giấy đất số 00213 cấp ngày 29/11/2000 do ông Nguyễn Văn T đại diện hộ đứng tên.

Quyền sử dụng đất thửa 116 diện tích 3.344 m² (2L), tờ bản đồ số 05, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000201 cấp ngày 25/8/2000 do ông Nguyễn Văn T đại diện hộ đứng tên.

Từ khi vay đến nay thì bị đơn không trả nợ gốc cũng như nợ lãi, đã vi phạm hợp đồng, hiện nay bị đơn còn nợ lại nợ gốc 1.450.000.000 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông T và bà B có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 3.106.806.250 đồng (*Ba tỷ một trăm lẻ sáu triệu tám trăm lẻ sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng*), trong đó nợ gốc 1.450.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*), nợ lãi tính đến ngày 24/11/2020 là 1.656.806.250 đồng (*Một tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu tám trăm lẻ sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng*), trong đó lãi trong hạn: 1.238.783.333 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi tám triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*), lãi quá hạn: 418.022.917 đồng (*Bốn trăm mười tám triệu không trăm hai mươi hai nghìn chín trăm mười bảy đồng*). Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã được ký kết với Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp ông T, bà B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên, Ngân hàng yêu cầu được phát mãi các tài sản thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 43004 m² theo hợp đồng thế chấp số: 09/2012 ngày 26/9/2012 được ký kết giữa Ngân hàng với ông T, bà B để thu hồi khoản nợ vay.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông trình bày như sau:

Thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày số tiền 1.450.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng năm 2012, ông có ký tên trong

hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng, vợ ông là bà B có điểm chỉ trong hợp đồng tín dụng, số tiền vay là để phục chung cho sinh hoạt của gia đình ông và bà B.

Để đảm bảo cho số nợ vay ông có thể chấp các tài sản như đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày trên là hoàn toàn đúng, ông cùng các con là Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn L có ký tên trong hợp đồng thế chấp, vợ là bà B có điểm chỉ trong hợp đồng thế chấp.

Các tài sản là quyền sử dụng đất đã thế chấp cho Ngân hàng nói trên đều do ông đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất, hộ của ông tại thời điểm cấp giấy đất gồm vợ chồng ông và các con của ông là Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị P.

Qua yêu cầu của Ngân hàng ông đồng ý cùng vợ ông là bà B liên đới trả nợ gốc cho Ngân hàng là 1.450.000.000 đồng, còn nợ lãi xin không trả do hiện nay lớn tuổi và hoàn cảnh khó khăn.

Trường hợp không trả được nợ thì ông đồng ý cho Ngân hàng phát mãi tài sản quyền sử dụng đất thế chấp tại thửa đất số 116, 101, 140 để thu hồi nợ, còn các thửa đất còn lại ông không đồng ý cho phát mãi.

Bị đơn bà Trần Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng đồng thời vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng đồng thời vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa

Về việc tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ gốc 1.450.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà B phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi theo thỏa thuận vay giữa các bên. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã L, huyện V, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Trần Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này trong vụ án.

[3] Xét yêu cầu thanh nợ theo hợp đồng tín dụng: Ngày 27/9/2012 Ngân N có cho bị đơn vay số tiền 1.450.000.000 đồng. Các bên tham gia giao kết hợp đồng đều có đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản, có chữ ký của các bên và thỏa thuận về nội dung của hợp đồng ghi rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, thời hạn thanh toán. Như vậy, điều kiện về nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 122, 124, 401, 402, 471 Bộ luật dân sự 2005 và khoản 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Hợp đồng vay có hiệu lực pháp luật, vì vậy các bên tham gia giao kết hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn ông T, bà B không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho nguyên đơn nên đã vi phạm thời hạn trả nợ theo hợp đồng.

[4] Lời khai của nguyên đơn về quá trình thỏa thuận và thực hiện hợp đồng vay được bị đơn ông T thừa nhận, hợp đồng được giao kết trên cơ sở tự nguyện, có giá trị pháp lý. Theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc 1.450.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền nợ lãi tính đến ngày 24/11/2020 (*Ngày xét xử sơ thẩm*), theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 1.656.806.250 đồng (*Một tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu tám trăm lẻ sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng*), trong đó lãi trong hạn: 1.238.783.333 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi tám triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*), lãi quá hạn: 418.022.917 đồng (*Bốn trăm mười tám triệu không trăm hai mươi hai nghìn chín trăm mười bảy đồng*) là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về xử lý tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng, bị đơn có thể chấp bằng tài sản đảm bảo gồm:

Quyền sử dụng đất thửa đất số 380 diện tích 6.909 m² (2L), thửa 374 diện tích 13.634 m² (2L), thửa 173 diện tích 394 m² (300 m² T + 94 m² LNK), tờ bản đồ số 5, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000112 cấp ngày 13/3/2000 do ông Nguyễn Văn T đại diện hộ đứng tên.

Quyền sử dụng đất thửa 140 diện tích 12.900 m² (2L), tờ bản đồ số 04, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000112 cấp ngày 13/3/2000 do ông Nguyễn Văn T đại diện hộ đứng tên.

Quyền sử dụng đất thửa đất số 101 diện tích 5.823 m² (2L), tờ bản đồ số 05, theo giấy đất số 00213 cấp ngày 29/11/2000 do ông Nguyễn Văn T đại diện hộ đứng tên.

Quyền sử dụng đất thửa 116 diện tích 3.344 m² (2L), tờ bản đồ số 05, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000201 cấp ngày 25/8/2000 do ông Nguyễn Văn T đại diện hộ đứng tên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 09/2012 ngày 26/9/2012 được ký kết giữa Ngân hàng với bị đơn. Được công chứng thế chấp tại Ủy ban nhân dân xã L và đã đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (cũ) nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Việc thế chấp đảm bảo được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, nếu bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Do ông T và bà B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định với tổng số tiền 3.000.000 đồng. Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận, nên ông T, bà B phải có nghĩa vụ hoàn lại số tiền chi phí tố tụng cho Ngân hàng là 3.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng cũng như đề xuất nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các điều 122, 124, 401, 402, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Các điều 4, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị B.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị B có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 3.106.806.250 đồng (*Ba tỷ một trăm lẻ sáu triệu tám trăm lẻ sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng*), trong đó nợ gốc 1.450.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*), nợ lãi tính đến ngày 24/11/2020 là 1.656.806.250 đồng (*Một tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu tám trăm lẻ sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng*), trong đó lãi trong hạn: 1.238.783.333 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi tám triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*), lãi quá hạn: 418.022.917 đồng (*Bốn trăm mười tám triệu không trăm hai mươi hai nghìn chín trăm mười bảy đồng*).

Kể từ ngày 25/11/2020 ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 09/2012 ngày 27/9/2012 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Xử lý tài sản đảm bảo: Nếu bị đơn không thanh toán nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 380 diện tích 6.909 m² (2L), thửa 374 diện tích 13.634 m² (2L), thửa 173 diện tích 394 m² (300 m² T + 94 m² LNK), tờ bản đồ số 5, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000112 cấp ngày 13/3/2000; Quyền sử dụng đất thửa 140 diện tích 12.900 m² (2L), tờ bản đồ số 04, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000112 cấp ngày 13/3/2000; Quyền sử dụng đất thửa đất số 101 diện tích 5.823 m² (2L), tờ bản đồ số 05, theo giấy đất số 00213 cấp ngày 29/11/2000; Quyền sử dụng đất thửa 116 diện tích 3.344 m² (2L), tờ bản đồ số 05, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000201 cấp ngày 25/8/2000, tọa lạc ấp T, xã L, huyện V, thành phố Cần Thơ để thu hồi nợ.

(Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án lập ngày 20/02/2020 để xác định các tài sản thế chấp)

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị B được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm .

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 44.104.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu một trăm lẻ bốn nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 008412, ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị B có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền **3.000.000đ** (*Ba triệu đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Cẩm Phường